

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 7

Đề 2

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống:

Số đã cho	0	3	6	9	12
Nhiều hơn số đã cho 8 đơn vị					
Gấp 8 lần số đã cho					

Bài 2: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Một lớp học có 5 tổ, mỗi tổ đều có 7 học sinh. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh?

- A. 20 học sinh B. 30 học sinh C. 35 học sinh D. 36 học sinh

Bài 3: Mỗi túi ngô có 7kg ngô. Hỏi một chục túi như thế có bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

- A. 60kg B. 70kg C. 80kg D. 90kg

Bài 4: Tính:

a) $7 \times 8 + 43$

=

=

b) $7 \times 5 - 26$

=

=

Bài 5: An có 25 nhãn vở. Bình có số nhãn vở gấp 4 lần số nhãn vở của An. Chi có số nhãn vở gấp 3 lần số nhãn vở của Bình. Hỏi Chi có bao nhiêu nhãn vở?

Bài giải

.....

Đáp số:.....

Bài 6: Tìm x , biết:

a) $x : 7 = 5$ (dư 3)

.....
.....
.....

b) $x : 7 = 6$ (dư 4)

.....
.....
.....

Lời giải chi tiết

Bài 1:

Phương pháp giải:

- Nhiều hơn số đã cho 8 đơn vị = số đã cho + 8.
- Gấp 8 lần số đã cho = số đã cho \times 8.

Cách giải :

Số đã cho	0	3	6	9	12
Nhiều hơn số đã cho 8 đơn vị	8	11	14	17	20
Gấp 8 lần số đã cho	0	24	48	72	96

Bài 2:

Phương pháp giải:

- Dạng toán: Gấp một số lên nhiều lần.
- Muốn tìm số học sinh của lớp học, ta lấy số học sinh của mỗi tổ nhân với số tổ.

Cách giải :

Lớp học đó có số học sinh là:

$$7 \times 5 = 35 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 35 học sinh.

⇒ **Đáp án cần chọn là C.**

Bài 3:

Phương pháp giải:

- Dạng toán: Gấp một số lên nhiều lần.
- Đôi một chục = 10
- Muốn tìm số ki-lô-gam ngô trong 10 túi, ta lấy số ki-lô-gam ngô có trong 1 túi nhân với 10.

Cách giải :

Đổi một chục = 10.

Một chục túi như thế có số ki-lô-gam ngô là:

$$7 \times 10 = 70 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 70kg ngô.

⇒ **Đáp án cần chọn là B.**

Bài 4:

Phương pháp giải:

Thực hiện phép tính nhân trước; phép tính cộng, phép trừ sau.

Cách giải :

a) $7 \times 8 + 43$

$$= 56 + 43$$

$$= 99$$

b) $7 \times 5 - 26$

$$= 35 - 26$$

$$= 9$$

Bài 5:

Phương pháp giải:

- Dạng toán: Gấp một số lên nhiều lần.

- Số nhân vở của Bình = số nhân vở của An $\times 4$.

- Số nhân vở của Chi = số nhân vở của Bình $\times 3$

Cách giải :

Bình có số nhân vở là:

$$25 \times 4 = 100 \text{ (nhân vở)}$$

Chi có số nhân vở là:

$$100 \times 3 = 300 \text{ (nhân vở)}$$

Đáp số: 300 nhân vở.

Bài 6:

Phương pháp giải:

Tìm x (số bị chia) theo công thức:

$$\text{Số bị chia} = \text{thương} \times \text{số chia} + \text{số dư.}$$

Cách giải :

a) $x : 7 = 5$ (dư 3)

$$x = 5 \times 7 + 3$$

$$x = 35 + 3$$

$$x = 38$$

b) $x : 7 = 6$ (dư 4)

$$x = 6 \times 7 + 4$$

$$x = 42 + 4$$

$$x = 46$$